

CHÍNH PHỦ
Số: 179/2004/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2004

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ
Quy định quản lý nhà nước về
chất lượng sản phẩm, hàng hoá
CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Chất lượng hàng hóa ngày 24 tháng 12 năm 1999;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết việc thi hành Pháp lệnh Chất lượng hàng hóa và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá đối với các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Nghị định này áp dụng đối với các sản phẩm, hàng hoá trong quá trình sản xuất, lưu thông trên thị trường trong nước, xuất khẩu, nhập khẩu.
- Việc quản lý nhà nước về chất lượng đối với các sản phẩm, hàng hoá thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng, bí mật quốc gia được quy định tại các văn bản khác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Sản phẩm* là kết quả của các hoạt động, các quá trình, bao gồm dịch vụ, phần mềm, phần cứng và vật liệu để chế biến hoặc đã được chế biến. Hàng hoá là sản phẩm được đưa vào tiêu dùng thông qua trao đổi, buôn bán.

2. *Chất lượng sản phẩm, hàng hoá* là tổng thể những thuộc tính (những chỉ tiêu kỹ thuật, những đặc trưng) của chúng, được xác định bằng các thông số có thể đo được, so sánh được phù hợp với các điều kiện kỹ thuật hiện có, thể hiện khả năng đáp ứng nhu cầu của xã hội và của cá nhân trong những điều kiện sản xuất tiêu dùng xác định, phù hợp với công dụng của sản phẩm, hàng hoá.

Chất lượng sản phẩm, hàng hoá được thể hiện thông qua các chỉ tiêu kỹ thuật, những đặc trưng của chúng.

3. *Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá* là hoạt động của một tổ chức nhằm định hướng phát triển, nâng cao và kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

4. *Quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá* là hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước nhằm định hướng phát triển, nâng cao và kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hoá đáp ứng các mục tiêu kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

CHƯƠNG II

BAN HÀNH VÀ ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ

Điều 4. Tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hoá

1. Tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hoá là văn bản kỹ thuật quy định các đặc tính, yêu cầu kỹ thuật đối với sản phẩm, hàng hoá, phương pháp thử các đặc tính, yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm, hàng hoá, các yêu cầu về bao gói, ghi nhãn, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hoá, các yêu cầu đối với hệ thống quản lý chất lượng và các vấn đề khác có liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hoá (trách nhiệm đối với người tiêu dùng, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường v.v...).

2. Tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hoá do Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành theo thủ tục xác định. Tiêu chuẩn được xây dựng dựa trên thành tựu khoa học, công nghệ và tham khảo tiêu chuẩn quốc tế, khu vực và nước ngoài, có tính đến điều kiện kinh tế - xã hội thực tế của Việt Nam.

3. Tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hoá phải thường xuyên được soát xét, điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của khoa học, công nghệ và hội nhập kinh tế quốc tế.

Điều 5. Hệ thống tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hoá

1. Hệ thống tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hoá của Việt Nam bao gồm:

a) Tiêu chuẩn Việt Nam là văn bản kỹ thuật được xây dựng do yêu cầu quản lý nhà nước về chất lượng và thương mại, được áp dụng thống nhất trong phạm vi cả nước, do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ chỉ đạo xây dựng và ban hành;

b) Tiêu chuẩn ngành là văn bản kỹ thuật được xây dựng do nhu cầu quản lý nhà nước về chất lượng đối với các sản phẩm, hàng hoá chưa xây dựng được tiêu chuẩn Việt Nam tương ứng, được áp dụng thống nhất trong phạm vi cả nước, do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ (sau đây gọi chung là Bộ) chỉ đạo xây dựng và ban hành;

c) Tiêu chuẩn cơ sở là văn bản kỹ thuật do Thủ trưởng đơn vị cơ sở ban hành để áp dụng trong cơ sở. Tiêu chuẩn cơ sở không được trái với quy định có liên quan của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tiêu chuẩn quốc tế, khu vực và tiêu chuẩn nước ngoài được sử dụng để xây dựng các tiêu chuẩn trong hệ thống tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hoá hoặc được áp dụng trực tiếp khi cần thiết.

Điều 6. Xây dựng tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hoá

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định thủ tục xây dựng, ban hành và áp dụng Tiêu chuẩn Việt Nam; hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn ngành, tiêu chuẩn cơ sở; quy định thủ tục đăng ký tiêu chuẩn ngành và phối hợp với Bộ quản lý chuyên ngành quy định việc áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, khu vực và tiêu chuẩn nước ngoài; soát xét, quyết định các tiêu chuẩn ngành phải nâng cấp thành Tiêu chuẩn Việt Nam cho phù hợp với danh mục sản phẩm, hàng hoá phải áp dụng Tiêu chuẩn Việt Nam (quy định tại khoản 1 Điều 9 của Nghị định này), danh mục sản phẩm, hàng hoá phải được chứng nhận chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn Việt Nam (quy định

tại khoản 1 Điều 13 của Nghị định này), danh mục hàng hoá phải kiểm tra về chất lượng (quy định tại khoản 1 Điều 24 của Nghị định này) được ban hành hàng năm.

2. Bộ quản lý chuyên ngành có trách nhiệm xây dựng tiêu chuẩn ngành và tham gia xây dựng Tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn quốc tế, khu vực; chỉ đạo việc áp dụng Tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn ngành, tiêu chuẩn quốc tế, khu vực và tiêu chuẩn nước ngoài.

3. Bộ quản lý chuyên ngành đề xuất nhu cầu xây dựng Tiêu chuẩn Việt Nam đối với các đối tượng cần quản lý; thống nhất với Bộ Khoa học và Công nghệ về kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn ngành.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ quản lý chuyên ngành giới thiệu rộng rãi kế hoạch xây dựng Tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn ngành hàng năm để các tổ chức, cá nhân quan tâm biết và tham gia đóng góp ý kiến.

5. Tiêu chuẩn Việt Nam do các Ban kỹ thuật Tiêu chuẩn Việt Nam xây dựng dự thảo và hoàn thiện trước khi trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kỹ thuật Tiêu chuẩn Việt Nam.

Điều 7. Nghĩa vụ trong xây dựng tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hoá

Mọi tổ chức, cá nhân có quyền đề nghị xây dựng Tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn ngành; có nghĩa vụ góp ý kiến và cung cấp thông tin cho việc xây dựng Tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn ngành, tiêu chuẩn quốc tế và khu vực.

Điều 8. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hoá

1. Tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn ngành là tiêu chuẩn tự nguyện áp dụng.

2. Tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn ngành chỉ bắt buộc áp dụng đối với những sản phẩm, hàng hóa thuộc danh mục sản phẩm, hàng hoá phải áp dụng tiêu chuẩn quy định tại Điều 9 của Nghị định này.

3. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định nội dung, thủ tục công bố sản phẩm, hàng hoá phù hợp tiêu chuẩn và pháp quy kỹ thuật (technical regulations - quy định kỹ thuật do các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành có tính chất bắt buộc áp dụng).

Điều 9. Danh mục sản phẩm, hàng hoá phải áp dụng tiêu chuẩn

1. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý chuyên ngành xây dựng và ban hành danh mục sản phẩm, hàng hoá phải áp dụng Tiêu chuẩn Việt Nam trong từng thời kỳ đối với các sản phẩm, hàng hóa liên quan đến thực phẩm, an toàn, vệ sinh, sức khỏe con người, môi trường và các đối tượng khác thuộc diện áp dụng Tiêu chuẩn Việt Nam. Danh mục sản phẩm hàng hoá này được soát xét hàng năm để bổ sung các sản phẩm, hàng hoá bắt buộc phải áp dụng Tiêu chuẩn Việt Nam do các Bộ quản lý ngành quy định áp dụng theo yêu cầu quản lý chất lượng trên thị trường.

2. Bộ quản lý chuyên ngành chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng và ban hành danh mục sản phẩm, hàng hoá phải áp dụng tiêu chuẩn ngành hoặc tiêu chuẩn khác (bao gồm tiêu chuẩn quốc tế, khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài và Tiêu chuẩn Việt Nam) theo nhu cầu quản lý nhà nước về chất lượng đối với sản phẩm, hàng hoá chưa nằm trong danh mục quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 10. Bản quyền, xuất bản và đăng bạ Tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn ngành

1. Cơ quan ban hành Tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn ngành giữ bản quyền và chịu trách nhiệm xuất bản, phát hành văn bản tiêu chuẩn.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện việc đăng bạ Tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn ngành.

CHƯƠNG III

CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG VÀ CÔNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Điều 11. Chứng nhận chất lượng, công nhận hệ thống quản lý chất lượng

1. Chứng nhận chất lượng là hoạt động đánh giá và xác nhận chất lượng sản phẩm, hàng hoá và hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn.

2. Công nhận hệ thống quản lý chất lượng là hoạt động đánh giá và xác nhận năng lực của các tổ chức sau đây phù hợp với yêu cầu quy định trong các tiêu chuẩn tương ứng:

a) Phòng thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá;